

Bản án số: 64/2024/HS-ST

Ngày: 17 - 6 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Đức

Ông Nguyễn Đăng Hưng

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 59/2024/TLST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Thạch Văn B, sinh ngày 20 tháng 12 năm 1980 tại tỉnh Bình Định; nơi ĐKKHKT: **Xã A, huyện H, tỉnh Bình Định**; chỗ ở hiện nay: Nhà trọ xuân hiền xuân hậu, **xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh**; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thạch A (đã chết) và bà **Phạm Thị C**; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: 01, ngày 4/5/2019 bị **Công an huyện C** xử phạt vi phạm hành chính 2.500.000 đồng về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác.

Bị cáo bị bắt và tạm giữ từ ngày 06/12/2023, đến ngày 15/12/2023 bị tạm giam cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam **công an tỉnh G**. Có mặt.

2. Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1970 tại thành phố Cần Thơ; nơi ĐKKHKT: **Khu V, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ**; chỗ ở hiện nay: Nhà trọ xuân hiền xuân hậu, **xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh**; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Thanh V** và bà **Võ Thị Kim H**; bị cáo có chồng là **Nguyễn Ngọc Q** (đã chết) và có 3 con, con lớn nhất sinh năm 1994, con nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt và tạm giữ từ ngày 06/12/2023, đến ngày 15/12/2023 bị tạm giam cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam **công an tỉnh G**. Có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Nguyễn Thị Quý N1**, sinh năm 1994; Nơi ĐKHKT: Khu vực **T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ**; chỗ ở hiện nay: 63 **L, T**, 34000 Sitiawan Perak, Malaysia. Vắng mặt.

* Người làm chứng:

- Bà **Đoàn Thị D**, sinh năm 1964; địa chỉ: **Thôn C, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai**. Có mặt.

- Bà **Đoàn Thị H1**, sinh năm 1960; địa chỉ: **Thôn F, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai**. Có mặt.

- Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1974; địa chỉ: **Thôn G, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 05 giờ 12 phút ngày 06/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố P**, tỉnh Gia Lai tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với **Thạch Văn B** và **Nguyễn Thị Kim N** về hành vi lưu hành tiền giả tại **Chợ P1, thôn C, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai**.

Tang vật thu giữ gồm: 21 tờ tiền có mệnh giá 100.000 đồng (trong đó: 03 tờ đã bị xé rách); 02 điện thoại di động, 01 xe mô tô.

Tại Kết luận giám định số 1079/KL-KTHS ngày 12/12/2023 của **Phòng K, Công an tỉnh G** kết luận:

“- 18 (mười tám) tờ tiền có hình dạng, hoa văn giống tờ tiền Việt Nam Đồng mệnh giá 100.000 đồng, có mã số hiệu (số seri): KG 16052920, NF 17336004, FP 21449667, NN 20993808 (ký hiệu từ A1 đến A18) là tiền giả.

- 02 (hai) mảnh (hình dạng không xác định) có hình dạng, hoa văn giống một phần tờ tiền Việt Nam Đồng mệnh giá 100.000 đồng, có mã số hiệu (số seri): FP 21449667 (ký hiệu từ A19 đến A120) là tiền giả.

- 01 (một) mảnh (hình dạng không xác định) có hình dạng, hoa văn giống một phần tờ tiền Việt Nam Đồng mệnh giá 100.000 đồng (ký hiệu A21) là tiền giả.”

Cơ quan An ninh điều tra **Công an tỉnh G** đã làm rõ hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Vào khoảng tháng 5/2023, trong quá trình lên mạng xã hội “Facebook” thì **Thạch Văn B** đã phát hiện một tài khoản (không nhớ tên tài khoản) đăng hình ảnh các tờ tiền Việt Nam đồng giả. Do cần tiền để tiêu xài nên **Thạch Văn B** đã đặt mua 2.100.000 đồng tiền giả với giá trị 700.000 đồng tiền thật. Sau đó 03

ngày có đối tượng nam giới (không rõ nhân thân, lai lịch) liên hệ với B qua ứng dụng “Messenger” rồi hẹn đến địa điểm đưa tiền giả cho B và nhận 700.000 đồng tiền thật. Sau khi nhận được tiền giả B đem về phòng trọ của mình tại xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh cất giấu.

Khoảng cuối tháng 11/2023, Thạch Văn B và Nguyễn Thị Kim N (là người sống chung như vợ chồng với B) sử dụng xe mô tô biển kiểm soát: 65E1-583.36 của chị Nguyễn Thị Quý N1 (là con của bị cáo N) để đi về tỉnh Bình Định để đi dự đám cưới, trước khi đi B lấy 21 tờ tiền giả cất trong ba lô của mình.

Đến ngày 05/12/2023, B và N đến thị trấn C, tỉnh Gia Lai để chơi. Sáng ngày 06/12/2023, trong khi xếp đồ vào balo để về tỉnh Bình Định, thì Ngọc t và biết 21 tờ tiền giả mệnh giá 100.000 đồng nên N đã lấy tiền bỏ vào túi áo khoác của mình. Đến khoảng 05 giờ cùng ngày khi đi đến khu vực chợ P1, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai, N vào chợ để tiêu thụ tiền giả còn B đứng đợi ngoài đường.

Cụ thể: N lấy 01 tờ tiền giả mệnh giá 100.000 đồng để mua 10.000 đồng bánh hỏi của bà Nguyễn Thị L (sinh năm 1974, trú tại thôn G, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai) và được trả lại 90.000 đồng tiền thật; lấy 01 tờ tiền giả mệnh giá 100.000 đồng và 01 tờ tiền thật mệnh giá 1.000 đồng và 01 tờ tiền thật 2.000 đồng để mua 01 chai nước tương giá 13.000 đồng của bà Đoàn Thị D (sinh năm 1964, trú tại thôn C, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai) và được trả lại 90.000 đồng; lấy 01 tờ tiền giả mệnh giá 100.000 đồng và 01 tờ tiền thật mệnh giá 2.000 đồng để mua 01 bì bột ngọt giá 22.000 đồng của bà Đoàn Thị H1 (sinh năm 1960, trú tại thôn F, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai) và được trả lại 80.000 đồng.

Sau đó bà L, bà D và bà H1 phát hiện được các tờ tiền 100.000 đồng mà N đưa là tiền giả nên yêu cầu N trả lại tiền. Khi bị phát hiện N đã lấy các tờ tiền giả từ 03 người này xé rách và trả lại toàn bộ số tiền thừa mà những người này đã trả lại cho N. Sau đó, Thạch Văn B và Nguyễn Thị Kim N bị Công an thành phố P lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ 21 tờ tiền giả.

*** Tang, vật chứng vụ án:**

- 18 tờ tiền giả Polyme mệnh giá 100.000 đồng còn nguyên vẹn.
- 03 tờ tiền giả Polyme mệnh giá 100.000 đồng đã bị xé rách, không nguyên vẹn.
- 02 điện thoại di động.
- 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JANUS, biển kiểm soát: 65E1-583.36.

Tại Cáo trạng số 83/CT-VKS-P1 ngày 13/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo Thạch Văn B, Nguyễn Thị Kim N về tội: “Lưu hành tiền giả” theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật hình sự.

2. Diễn biến phiên tòa:

- Bị cáo **Thạch Văn B** khai nhận có đặt mua 21 tờ tiền giả mệnh giá 100.000 đồng, mục đích tiêu xài nhưng do thấy tiền xấu không xài được nên cất giấu để làm lưu niệm, bị cáo có mang số tiền này trong ba lô và chở bị cáo **N** đi Bình Định, Kon Tum, **Chư S**...việc bị cáo **N** lấy tiền giả lúc nào bị cáo không biết, khi bị bắt thì mới biết.

- Bị cáo **Nguyễn Thị Kim N** khai bị cáo không biết tiền giả, khi đi mua hàng hoá tại chợ và bị người dân phát hiện thì bị cáo mới biết đó là tiền giả.

Lời nói sau cùng 02 bị cáo nhận có tội như cáo trạng và xin giảm nhẹ hình phạt.

- Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo **Thạch Văn B**, **Nguyễn Thị Kim N** phạm tội “Lưu hành tiền giả”.

Áp dụng khoản 1 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Thạch Văn B** mức án từ 4 năm đến 4 năm 6 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/12/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 207; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Kim N** mức án từ 3 năm 6 tháng đến 4 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/12/2023.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Vật chứng của vụ án: Tịch thu tiêu hủy 18 tờ tiền giả polyme mệnh giá 100.000 đồng và 03 tờ tiền giả polyme mệnh giá 100.000 đồng đã bị xé rách.

Tịch thu sung Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động thu giữ của bị cáo **Nguyễn Thị Kim N** và 01 điện thoại di động thu giữ của bị cáo **Thạch Văn B**; trả lại 01 xe gắn máy cho chị **Nguyễn Thị Quý N1**.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành; các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên toà bị cáo **Thạch Văn B** khai nhận mục đích mua tiền giả để tiêu xài nhưng do tiền xấu không tiêu xài được nên tàng trữ và vận chuyển tiền giả đi nhiều nơi với mục đích lưu niệm, bị cáo **Nguyễn Thị Kim N** lấy lúc nào bị cáo **B** không biết; bị cáo **N** khai không

biết tiền giả, chỉ đến khi sử dụng mua hàng và bị nhân dân phát hiện mới biết tiền giả. Đối chiếu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án thì các bị cáo cũng nhiều lần thay đổi lời khai, tuy nhiên có nhiều lời khai của 02 bị cáo giống nhau nội dung do hết tiền nên bị cáo **B** đưa tiền giả cho bị cáo **N** và nói cho bị cáo **N** biết tiền giả rồi đến chợ để tiêu thụ ... diễn biến khách quan hành vi của 02 bị cáo thấy rằng, tiền bị cáo **B** cất giữ, vận chuyển đã được chuyển qua bị cáo **N**, bị cáo **N** khai phát hiện tiền lúc ở **C**, khi đến **chợ P1, thôn C, xã A, thành phố P** bị cáo **N** vào chợ chỉ mua hàng hoá có giá trị nhỏ nhưng không sử dụng tiền thừa đã được trả lại trước đó hoặc trả tiền thật mệnh giá nhỏ bị cáo mang theo mà sử dụng tờ tiền giả mệnh giá 100.000 đồng để được trả lại tiền thừa là tiền thật.

Đối chiếu lời khai của các bị cáo, lời khai của các bà **Đoàn Thị D**, **Đoàn Thị H1** tại phiên toà với tài liệu có tại hồ sơ vụ án, có căn cứ kết luận:

Các bị cáo **Thạch Văn B** và **Nguyễn Thị Kim N** có thời gian sống chung với nhau như vợ chồng. Do cần tiền để tiêu xài nên vào khoảng tháng 5/2023, **Thạch Văn B** đã đặt mua 2.100.000 đồng tiền giả (loại mệnh giá 100.000 đồng) với giá 700.000 đồng tiền thật từ một đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch, rồi đem về cất giấu tại phòng trọ của mình tại **xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh**. Đến khoảng tháng 11/2023, bị cáo **B** đã mang theo 21 tờ tiền giả cất trong ba lô của mình rồi sử dụng xe mô tô biển kiểm soát: 65E1-583.36 chở bị cáo **N** di chuyển đi nhiều nơi.

Sáng ngày 06/12/2023, tại **huyện C**, bị cáo **Ngọc t** và biết 21 tờ mệnh giá 100.000 đồng là tiền giả nhưng vẫn bỏ vào túi áo khoác của mình. Đến khoảng 05 giờ cùng ngày khi đi đến khu vực **chợ P1, thôn C, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai**, **N** vào chợ để sử dụng tiền giả còn **B** đứng đợi ngoài đường thì bị phát hiện và bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Lúc bị phát hiện **N** đã xé rách 03 tờ.

Theo Kết luận giám định số 1079/KL-KTHS ngày 12/12/2023 của **Phòng K, Công an tỉnh G** thì 18 tờ tiền có hình dạng, hoa văn giống tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 100.000 đồng còn nguyên vẹn và 03 mảnh có hình dạng, hoa văn giống một phần tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 100.000 đồng đều là tiền giả.

Tại Cáo trạng số 83/CT-VKS-P1 ngày 13/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo **Thạch Văn B**, **Nguyễn Thị Kim N** về tội “Lưu hành tiền giả” theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, xem xét khoản 4 Điều 207 của Bộ luật hình sự còn quy định “Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm”. Trong vụ án này, mục đích của bị cáo **Thạch Văn B** khi mua, tàng trữ, vận chuyển tiền giả là để khi có cơ hội sẽ lưu hành, thanh toán, trao đổi hàng hoá để thu lợi nhưng các hành vi trên đều đã hoàn thành. Bị cáo mua tiền giả về cất giữ một thời gian dài, sau đó mang đi

theo để tìm kiếm cơ hội sử dụng và đã để cho bị cáo **N** mang vào chợ mua hàng để thu lợi.

Do đó, cần thiết phải xét xử bị cáo về tất cả các hành vi phạm tội “Tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả” với cùng một mức án mới xem xét, đánh giá hết tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với bị cáo **Nguyễn Thị Kim N**, do không chứng minh được bị cáo biết việc mua, tàng trữ, vận chuyển tiền giả đi nhiều nơi của bị cáo **B** nên chỉ truy tố, xét xử bị cáo về tội “Lưu hành tiền giả” là phù hợp, có lợi cho bị cáo.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng. Vi phạm quy định của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính liên quan đến phát hành, quản lý tiền tệ, gây nguy hại lớn cho xã hội.

Các bị cáo là đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo **B** giữ vai trò chính do trực tiếp mua, tàng trữ, vận chuyển và để cho bị cáo **N** Lưu hành tiền giả. Bị cáo **N** vai trò thấp hơn nhưng cũng nguy hiểm lớn cho xã hội, bị cáo mang tiền giả vào chợ, mua những hàng hoá nhỏ để được trả lại tiền thừa nhiều, khi bị phát hiện bị cáo đã ngay lập tức xé rách 03 tờ tiền giả đã lưu hành nhằm tẩu tán vật chứng.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo quanh co, khai báo khác về nhận thức, mục đích lưu hành tiền giả nên không được áp dụng tình tiết người phạm tội ăn năn hối cải, xem xét các bị cáo có khai hành vi phạm tội nên được áp dụng tình tiết người phạm tội thành khẩn khai báo; bị cáo **B** đã từng thực hiện nghĩa vụ quân sự, bị cáo **N** có cha là đảng viên, được nhận huy hiệu 40 năm tuổi đảng nên 02 bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Các hành vi của bị cáo **B** đã xem xét theo tội danh, việc bị cáo **N** 03 lần sử dụng tiền giả để mua hàng nhưng đây là chuỗi hành vi trong cùng thời điểm nên Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết tăng nặng.

Về nhân thân: Tài liệu tại hồ sơ vụ án thể hiện, ngày 04/5/2019, bị cáo **Thạch Văn Bình b Công an huyện C** xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 2.500.000 đồng về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác. Mặc dù tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính ghi tên người bị xử phạt là **Thạch Ngọc B1**, tuy nhiên tại Biên bản làm việc ngày 21/3/2024, **Công an huyện C**, xác nhận **Thạch Văn B** chưa đóng tiền xử phạt đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 12/QĐ-XPHC ngày 04/5/2019 của **Công an huyện C** (Bút lục 158); Biên bản hỏi cung bị can ngày 22/3/2024 (Bút lục 188), bị cáo **B** khai tháng 5/2019 bị cáo bị **công an huyện C** xử phạt vi phạm hành chính về hành vi

xâm hại sức khỏe người khác với hình thức phạt tiền 2.500.000 đồng, bị cáo quên chưa thực hiện đóng phạt theo quyết định xử phạt, tại thời điểm làm việc với **Công an huyện C** bị cáo khai tên thường gọi là là **Thạch Ngọc B1** nên hồ sơ vụ việc thể hiện tên **Thạch Ngọc B1** và tại phiên tòa bị cáo cũng thừa nhận việc tháng 5/2019 bị cáo bị **Công an huyện C** xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác. Do đó, có cơ sở xác định bị cáo **Thạch Văn B** có nhân thân xấu, có 01 tiền sự, tháng 5/2019 bị **Công an huyện C** xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác.

Về hình phạt: Bị cáo **Thạch Văn B** giữ vai trò chính, bị xét xử nhiều hành vi phạm tội, bản thân bị cáo đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm phạm sức khỏe của người khác nên bị cáo phải chịu mức án nghiêm khắc; bị cáo **Nguyễn Thị Kim N** có vai trò thấp hơn bị cáo **B**, bị xét xử 01 hành vi phạm tội, là phụ nữ lần đầu phạm tội nên mức án khoan hồng hơn bị cáo **B**. Tuy nhiên, 02 bị cáo đều không tỏ ra ăn năn hối cải, quanh co nhằm giảm nhẹ tội nên và đều chịu hình phạt tù có thời hạn trong khung hình phạt được áp dụng.

[5] Về vật chứng:

- 18 tờ tiền giả Polyme mệnh giá 100.000 đồng, không rõ chất liệu, còn nguyên vẹn và 03 tờ tiền giả Polyme mệnh giá 100.000 đồng, không rõ chất liệu, đã bị xé rách, không còn nguyên vẹn: Là tang vật vụ án, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại hiệu “VIVO” thu giữ của bị cáo **Nguyễn Thị Kim N**; 01 điện thoại hiệu “OPPO” thu giữ của bị cáo **Thạch Văn B**: Là phương tiện liên lạc sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- 01 xe gắn máy nhãn hiệu YAMAHA JANUS, biển kiểm soát 65E1-583.36 là tài sản của chị **Nguyễn Thị Quý N1** giao cho bị cáo **N** (mẹ chị **N1**) sử dụng. Chứng minh được bị cáo **N** biết tiền giả từ **huyện C** nhưng vẫn cùng với bị cáo **B** sử dụng xe mô tô do mình quản lý mang theo tiền giả đến **chợ P1, xã A, thành phố P** để lưu hành tiền giả. Do đó, xe mô tô được xem là phương tiện phạm tội nên tịch thu sung Ngân sách.

Do chị **N1** không có mặt tại phiên tòa nên khi chị **N1** có yêu cầu bị cáo **N** bồi thường lại xe thì có quyền yêu cầu trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội lần đầu, chưa thu lợi nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung.

[7] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh

Tuyên bố bị cáo **Thạch Văn B** phạm tội “Tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả”; Bị cáo **Nguyễn Thị Kim N** phạm tội “Lưu hành tiền giả”.

2. Về điều luật và hình phạt

Áp dụng khoản 1 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Thạch Văn B** 4 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/12/2023.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Kim N** 3 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/12/2023.

3. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 18 (mười tám) tờ tiền giả Polyme mệnh giá 100.000 đồng, không rõ chất liệu, còn nguyên vẹn và 03 (ba) tờ tiền giả Polyme mệnh giá 100.000 đồng, không rõ chất liệu, đã bị xé rách, không còn nguyên vẹn. Được niêm phong trong 01 phong bì bằng giấy, bên ngoài có dòng chữ “CÔNG AN TỈNH GIA LAI PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ”, có đóng dấu niêm phong của **Phòng K Công an tỉnh G** và chữ ký của ông **Phạm Xuân P** và ông **Đàm Minh Đ**.

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước:

01 (một) điện thoại di động loại cảm ứng, màu xanh nhạt, mặt lưng có dòng chữ “VIVO”, số IMEI: 860991059912435; số IMEI 2: 860991059912427, có lắp 01 (một) sim **V1**, số điện thoại: +84326008905, mặt sau có dãy số 8984 04800 03885 02718.

01 (một) điện thoại di động loại cảm ứng, màu đen, mặt lưng có dòng chữ “OPPO”, số IMEI1: 866376043103438; số IMEI 2: 866376043103420, có lắp 01 (một) sim **V1**, số điện thoại: +84987508459, mặt sau có dãy số 8984 0480 0091 9876 346.

02 (hai) điện thoại di động nêu trên được niêm phong trong 01 phong bì bằng giấy và đóng dấu niêm phong có nội dung “CÔNG AN TP.PLEIKU TỈNH GIA LAI * CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA” và chữ ký, chữ viết tên của **Đàm Minh Đ, Trần T, Võ Đình L1, Thạch Văn B, Nguyễn Thị Kim N**.

01 (một) xe gắn máy nhãn hiệu YAMAHA JANUS, biển kiểm soát 65E1-583.36, số khung: RLCSEC810NY105665, số máy: E3X8E-105677.

*(Vật chứng có số lượng, đặc điểm theo Biên bản bàn giao vật chứng số 108/2024 ngày 15/5/2024, giữa Cơ quan An ninh điều tra **Công an tỉnh G** và Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai).*

5. Về án phí: Căn cứ các Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo **Thạch Văn B**, bị cáo **Nguyễn Thị Kim N**, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm. Người nêu trên vắng mặt thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Viện KSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Viện KSND tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Gia Lai;
- VP CQANĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam T20;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu Tòa HS, VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Kim Hồng